

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

## QUYỂN 49

### LUẬN VỀ BÁT THIÊN (Phần 4)

Có năm Kiết, đó là Kiết Tham-Kiết Sân-Kiết Mạn-Kiết Tật và Kiết San.

Hỏi: Năm Kiết này lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Lấy ba mươi bảy làm tự tánh, đó là Kiết Tham-Kiết Mạn đều có năm bộ của ba cõi làm ba mươi sự, Kiết Sân có năm bộ của cõi Dục là năm sự, Kiết Tật, Kiết San đều là do tu mà đoạn thuộc cõi Dục là hai sự. Vì vậy, năm Kiết này lấy ba mươi bảy sự làm tự tánh. Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Vì sao gọi là Kiết, Kiết có nghĩa là gì?

Đáp: Nghĩa ràng buộc, nghĩa hợp với Khổ, nghĩa xen lẫn chất độc, đều là nghĩa của Kiết. Ở đây nói rộng ra như trong ba Kiết phần trên đã nói.

Hỏi: Vì sao chỉ thiết lập những loại làm Kiết?

Đáp: Cũng cần phải nói về loại khác mà không nói đến, thì nên biết rằng đây là cách nói khác. Có người đưa ra cách nói này: Đây là Đức Thế Tôn giản lược mà nói cho những chúng sinh đã hóa độ. Hiếp Tôn giả nói: “Đức Phật biết rõ thể dụng-thể tướng của các pháp, pháp có thể thiết lập Kiết thì thiết lập, pháp không có thể thiết lập thì không thiết lập, cho nên không cần phải vặn hỏi. “Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Trong này chỉ nói về tự tướng phiền não mê muội về những sự như Sắc... ràng buộc tâm là Kiết, ba Kiết tham-sân-mạn chỉ là tự tướng phiền não mê muội về sự cho nên thiết lập là Kiết; năm Kiến và nghi chỉ là cộng tướng phiền não mê muội về lý; vô minh tuy là bao gồm mê muội cả sự và lý, mà phần nhiều mê muội về lý; vô minh tuy là bao gồm mê muội cả sự và lý, mà phần nhiều mê muội về lý cho nên

không thiết lập Kiết; hai triền Tật-San cũng chỉ nhiễu loạn vì mê muội về

sự của hai bộ và hai nẻo mà gây nhiều tai họa, cho nên thiết lập Kiết; triển và cấu còn lại không có sự như vậy, cho nên không thiết lập Kiết.” Tôn giả Diệu Âm cũng đưa ra cách nói này: “Năm loại này đối với sự ràng buộc tâm quá nặng nề, cho nên thiết lập làm Kiết.” Tôn giả Giác Thiên đưa ra cách nói như vậy: “Năm loại này đối với sự luôn hiện hành làm não loạn cho mình và người, gây ra tai họa rất nặng nề, cho nên thiết lập làm Kiết; những phiền não khác thì không có sự như vậy, cho nên không thiết lập về Kiết.”

Có năm Kiết thuận phần dưới. Đó là Kiết tham dục thuận phần dưới, kiết Sân nhuế thuận phần dưới, Kiết Hữu thân kiến thuận phần dưới, Kiết Giới cấm thủ thuận phần dưới, kiết Nghi thuận phần dưới.

Hỏi: Năm kiết thuận phần dưới này lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Lấy ba mươi một sự làm tự tánh, đó là kiết Tham dục-Sân nhuế thuận phần dưới, đều lấy năm bộ của cõi Dục làm mười sự; Kiết Hữu thân Kiến thuận phần dưới do Kiến Khổ mà đoạn thuộc ba cõi làm ba sự; Kiết Giới cấm thủ thuận phần dưới đều do Kiến Khổ-Đạo mà đoạn của ba cõi làm sáu sự; Kiết Nghi thuận phần dưới đều lấy bốn bộ của ba cõi làm mười hai sự. Vì vậy, năm Kiết thuận phần dưới này lấy ba mươi một sự làm tự tánh. Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Vì sao gọi là Kiết thuận phần dưới, Kiết thuận phần dưới là có nghĩa gì?

Đáp: Năm Kiết như vậy hiện hành ở cõi dưới, do cõi dưới mà đoạn trừ, kiết sinh ra ở cõi dưới, nhận lấy quả dị thực, đẳng lưu của cõi dưới, cho nên gọi là Kiết thuận phần dưới: Cõi dưới thì có nghĩa là cõi Dục.

Hỏi: Nếu như vậy thì tất cả phiền não đều là hiện hành của cõi dưới; thân ở cõi Dục cho nên tất cả phiền não đều có thể dấy khởi; sáu mươi bốn tùy miên là do cõi dưới mà đoạn, cõi Dục ba mươi sáu, Phi tướng phi phi tướng xứ có hai mươi tám, chỉ ở cõi Dục mới có thể đoạn trừ; ba mươi sáu tùy miên do Kiết cõi dưới sinh ra, ba mươi sáu tùy miên của cõi Dục thì mỗi tùy miên hiện ở trước mắt, đều khiến cho nối tiếp nhau sinh ra ở cõi Dục; ba mươi bốn tùy miên có thể nhận lấy quả dị thực, đẳng lưu của cõi dưới, ba mươi bốn tùy miên của cõi Dục là bất thiện có thể làm nhân dị thực; hai tùy miên chỉ có thể nhận lấy quả đẳng lưu của cõi dưới, Hữu thân Kiến-Biên chấp kiến của cõi Dục là vô ký cho nên không thể nào nhận lấy quả dị thực được. Như vậy, tất cả phiền não đều cần phải gọi là Kiết thuận phần dưới, tại sao Đức Thế Tôn chỉ

nói năm loại này gọi là Kiết thuận phần dưới chứ không phải là phiền não khác?

Đáp: Cũng cần phải nói đến loại khác mà không nói, thì nên biết rằng đây là cách nói có khác. Có người đưa ra cách nói này: Đây là Đức Thế Tôn giản lược mà nói cho những chúng sinh đã hóa Độ. Hiệp Tôn giả nói: “Đức Phật biết rõ thể dụng-tánh-tướng của các pháp, nếu pháp có thể thiết lập Kiết thuận phần dưới thì thiết lập, nếu pháp không có thể thì không thiết lập, cho nên cần phải vặn hỏi.” Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Đức Phật biết rõ năm loại này hiện hành ở cõi dưới, do cõi dưới mà đoạn, Kiết sinh ra ở cõi dưới, nhận lấy quả của cõi dưới với thể dụng mau lẹ, thân cận rất sâu nặng, vượt qua những phiền não khác, cho nên chỉ thiết lập chúng làm Kiết thuận phần dưới.”

Lại nữa, dưới có hai loại, đó là cõi ở dưới và hữu tình ở cõi dưới. Cõi ở dưới thì gọi là cõi Dục, hữu tình ở cõi dưới thì gọi là dị sinh. Bởi vì hai kiết đều gây ra tai họa nặng nề cho nên không vượt qua cõi Dục, bởi vì ba Kiết sau gây ra sai lầm sâu nặng cho nên không vượt qua dị sinh, vì vậy chỉ thiết lập năm loại này làm kiết thuận phần dưới. Lại nữa, dưới có hai loại đó là địa ở dưới và hữu tình ở dưới. Địa ở dưới thì gọi là cõi Dục, hữu tình ở dưới thì gọi là dị sinh. Bởi vì hai Kiết đều gây ra tai họa nặng nề cho nên không ra khỏi địa ở dưới; bởi vì ba Kiết sau gây ra sai lầm sâu nặng cho nên không ra khỏi địa ở dưới, vì vậy chỉ nói năm loại này gọi là Kiết thuận phần dưới. Lại nữa, năm loại này đối với hữu tình cõi Dục ấy, giống như ngục tốt và lính tuần tra phòng vệ. Giả sử tội nhân kia dùng sức mạnh của bạn bè thân thích và tài sản làm thương tổn đến ngục tốt để chạy ra xa, thì ba người lính tuần tra phòng vệ vẫn bắt mang về nhốt vào trong lao ngục. Trong này, lao ngục tức là dụ cho cõi Dục, tội nhân tức là dụ cho dị sinh ngu muội, hai ngục tốt là dụ cho hai kiết đầu, ba người lính tuần tra phòng vệ là dụ cho ba Kiết sau. Nếu có dị sinh dùng quán Bất tịnh làm thương tổn đến tham Dục, lại cùng quán Từ làm thương tổn đến Sân nhuế, lìa dục cho đến Vô sở hữu xứ, sinh vào tĩn lự thứ nhất cho đến Hữu Đảnh, thì Hữu thân Kiến-Giới cấm thủ và Nghi kia vẫn bắt lấy mang về đưa vào giam ở cõi dục.

Tôn giả Diệu Âm cũng đưa ra cách nói này: “Hai Kiết chưa đoạn, chưa biết tất cả cho nên không ra khỏi cõi dục, ba Kiết chưa đoạn, chưa biết tất cả cho nên lại sinh vào cõi Dục, vì vậy chỉ nói năm này gọi là Kiết thuận phần dưới.” Tôn giả Tả Thọ cũng đưa ra cách nói này: “Do hai Kiết ràng buộc cho nên không vượt qua cõi Dục, vì ba Kiết chưa đoạn cho nên lại rơi vào cõi Dục, vì vậy chỉ thiết lập năm này làm Kiết

thuận phần dưới.”

Lại nữa, trong này làm rõ về môn loại, làm rõ về tóm lược, làm rõ về phù hợp cho nên chỉ nói năm loại này gọi là Kiết thuận phần dưới. Nghĩa là các phiền não có loại chỉ riêng nên bộ, có loại gồm chung hai bộ, có loại gồm chung bốn bộ, có loại gồm chung năm bộ; nếu nói Hữu thân Kiến thì nên biết là nói chung về phiền não chỉ riêng nên bộ, nếu nói Giới cấm thủ thì nên biết là nói chung về phiền não gồm chung hai bộ, nếu nói Nghi thì nên biết là nói chung về phiền não gồm chung bốn bộ, nếu nói Tham dục-Sân nhuế thì nên biết là nói chung về phiền não gồm chung năm bộ. Như vậy thì chỉ do kiến mà đoạn, gồm chung do kiến và tu mà đoạn, là biến hành, không phải là biến hành, chỉ hiện hành ở dị sinh, gồm chung hiện hành ở dị sinh và Thánh giả, do hành tướng vui mừng mà chuyển, do hành tướng lo buồn mà chuyển, nên biết cũng như vậy. Lại nữa, trong các phiền não gồm chung do kiến, tu mà đoạn, chỉ có tham-sân độc lập khắp nơi sau thức; trong các phiền não chỉ do kiến mà đoạn, chỉ có ba loại như thân kiến... là chuyển biến, là đứng đầu, cho nên chỉ thiết lập năm loại này làm Kiết thuận phần dưới. Lại nữa, nếu hỏi tại sao hai kiết đầu thiết lập là thuận phần dưới; thì nên trả lời rộng ra như trong phần căn bất thiện; nếu hỏi tại sao ba kiết sau thiết lập mà thuận phần dưới; thì nên trả lời rộng ra như trong phần ba kiết, bởi vì hai phần hỏi, đáp này ngăn chặn toàn bộ những phiền não khác.

Hỏi: Vì sao tùy phiền não không phải là kiết thuận phần dưới?

Đáp: Tùy phiền não cũng phải là nói kiết thuận phần dưới mà không nói đến thì nên biết là cách nói có khác. Có người đưa ra cách nói này: Đây là Đức Thế Tôn nói giảm lược cho chúng sinh được giáo hóa. Lại có người nói: Nếu pháp nào làm cho cõi dưới và hữu tình ở dưới nối tiếp nhau sinh khởi thì thiết lập kiết thuận phần dưới; các tùy phiền não không có năng lực của kiết thọ sinh, cho nên không thiết lập mà kiết thuận phần dưới:

Như trong kinh nói: “Các ông nên thọ trì năm kiết thuận phần dưới mà ta đã nêu rõ trước đây, lúc bấy giờ trong chúng hội, Ma-lạc-ca-tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy trịch áo bày vai phải, gối bên phải quỳ sát đất, hướng về Đức Bạc-già-phạm chấp tay cúi mình thưa rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Con đã thọ trì năm kiết thuận phần dưới mà Đức Thế Tôn đã giảng giải. Đức Thế Tôn bảo rằng: Thế nào là thọ trì? Ma-lạc-ca-tử thưa: Tham dục chính là tùy miên dục tham, ràng buộc tâm là thuận phần dưới, Đức Thế Tôn đã nêu rõ và con đã thọ trì, cho đến

Kiết Nghi nói rộng ra cũng như vậy. Đức Phật bảo rằng: Người ngu si, ngoại đạo dị học nghe điều ông đã nói sẽ chỉ trích và hỏi vặn ông: Như trẻ thơ bị bệnh nằm ngửa trên giường, nó hãy còn không biết đục trần như Sắc... là gì, huống hồ có thể hiện khởi tham dục ràng buộc tâm hay sao? Nhưng mà nó vẫn có tùy miên dục tham, cho đến Kiết Nghi nói rộng ra cũng như vậy.”

Hỏi: Như Năm kiết thuận phần dưới mà Đức Phật đã giảng bày, người ấy thọ trì đầy đủ thì lẽ nào bị quở trách?

Đáp: Quở trách về nghĩa đã giữ lấy chứ không phải là quở trách về danh đã giữ lấy, quở trách về nghĩa đã hiểu chứ không ngăn chặn về danh đã nói. Nghĩa là Tỳ kheo ấy nói dấy khởi phiền não thì gọi là thuận phần dưới, chứ không phải là không dấy khởi; Đức Phật nói nếu lúc phiền não chưa đoạn thì gọi là thuận phần dưới, chứ không cần phải hiện khởi: Lại nữa, Tỳ kheo ấy nói lúc phiền não sắp hiện hành, thì gọi là thuận phần dưới; Đức Phật nói thành tựu cũng có thể gọi là kiết thuận phần dưới. Lại nữa, Tỳ kheo ấy nói phiền não cần phải là lúc hiện tại, thì gọi là thuận phần dưới; Đức Phật nói ba đời đều có thể gọi là Kiết thuận phần dưới. Lại nữa, Tỳ kheo ấy nói phiền não cần phải là lúc ràng buộc tâm, thì gọi là thuận phần dưới; Đức Phật nói hoặc là phần vị triền, hoặc là phần vị tùy miên đều có thể gọi là Kiết thuận phần dưới. Như nói triền và tùy miên tham dục, lúc Không chính thức đoạn thiện cũng gọi là kiết thuận phần dưới, cho đến kiết Nghi nói rộng ra cũng như vậy.

Có năm Kiết thuận phần trên, đó là Kiết Sắc tham thuận phần trên, kiết vô sắc tham thuận phần trên, kiết Tùy miên thuận phần trên, kiết Mạn thuận phần trên và Kiết Vô minh thuận phần trên.

Hỏi: Năm kiết thuận phần trên này lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Lấy lăm sự làm tự tánh, đó là Sắc tham tức là Ái của cõi Sắc do tu mà đoạn làm nên sự; Vô sắc tham tức là Ái của cõi Vô sắc do tu mà đoạn làm nên sự; tùy miên-mạn-vô minh tức là tùy miên-mạn-vô minh của cõi Sắc-Vô sắc đều do tu mà đoạn làm sáu sự. Vì vậy, năm Kiết thuận phần trên này lấy tám sự làm tự tánh. Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Vì sao gọi là Kiết thuận phần trên, Kiết thuận phần trên có nghĩa là gì?

Đáp: Nghĩa làm cho hướng về phía trên, nghĩa làm cho vươn lên phía trên, nghĩa làm cho nối tiếp nhau sinh lên phía trên, nghĩa làm cho nối tiếp nhau sinh lên phía trên, là nghĩa của Kiết thuận phần trên.

Hỏi: Nếu các nghĩa như hướng về phía trên... là nghĩa của Kiết thuận phần trên, thì Kiết thuận phần trên đúng ra không phải là bộc lưu, bởi vì rơi ngã, chìm đắm... là nghĩa của bộc lưu?

Đáp: Nghĩa của bộc lưu khác với nghĩa của Kiết thuận phần trên, nghĩa là dựa vào giới-địa mà thiết lập Kiết thuận thượng phần, bởi vì nó làm cho Bộc lưu, tuy sinh đến Hữu Đảnh mà làm cho hữu tình chìm đắm trong sinh tử, cho nên không đến được giải thoát và Thánh đạo.

Hỏi: Tại sao tham của cõi Sắc và cõi Vô sắc đều tách biệt thiết lập làm Kiết thuận phần trên, ba loại còn lại của hai cõi cùng thiết lập làm nên?

Đáp: Ba loại còn lại cũng cần phải dựa vào giới để tách biệt thiết lập, nhưng mà không như vậy thì nên biết là có khác. Lại nữa, muốn làm cho nghĩa đã nói dễ dàng hiểu rõ, cho nên dùng các loại từ ngữ, các loại văn từ để nói. Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn làm rõ về hai môn loại, hai phương cách, hai bậc thêm, hai nấc thang, hai ánh sáng, hai ngọn đuốc, hai nét vẽ, hai hình ảnh, như Ái dựa vào giới mà tách biệt thiết lập hai Kiết, tùy miên, mạn, vô minh cũng thuận theo đều thiết lập hai Kiết; như tùy miên... của hai cõi cùng thiết lập làm nên, thì Ái cũng thuận theo như vậy. Như vậy thì tùy kheo Kiết thuận phần trên, hoặc là tám, hoặc là bốn, vì làm rõ về hai môn loại cho đến hai hình ảnh soi chiếu hiển bày lẫn nhau cho nên đưa ra cách nói như vậy. Lại nữa, Ái làm cho giới tách biệt, địa tách biệt, bộ tách biệt; Ái có năng lực làm tăng trưởng tất cả phiền não; ái có nhiều lỗi lầm mà Ái Xứ đã nói, cho nên dựa vào giới để tách biệt thiết lập làm hai Kiết; ba loại như tùy miên... không có sự như vậy, cho nên hai cõi trên hợp lại thiết lập làm nên.

Hỏi: Vì sao Kiết chỉ do tu mà đoạn lại thiết lập làm Kiết thuận phần trên?

Đáp: Làm cho có hướng thú sinh lên phía trên gọi là thuận phần trên; Kiết do kiến mà đoạn cũng làm cho rơi xuống phía dưới, cho nên không thiết lập làm Kiết thuận phần trên. Lại nữa, việc làm của người bậc trên thì gọi là thuận phần trên, người bậc trên là Thánh chứ không phải là các dị sinh; Kiết thuận phần trên. Ở trong hàng Thánh giả chỉ có người Bất hoàn dấy khởi các kiết mà thiết lập thuận phần trên.

Hỏi: Dựa vào luận mà sinh ra luận, tại sao các Kiết do người Dự lưu và Nhất lai dấy khởi không phải là thuận phần trên?

Đáp: Thuận phần trên, nghĩa là có hướng thú sinh lên phía trên, các Kiết do người Dự lưu-Nhất lai dấy khởi cũng làm cho sinh xuống phía

dưới, cho nên không thiết lập làm Kiết thuận phần trên. Lại nữa, nếu vượt qua giới cũng đắc quả mà không phải là vượt qua giới, cho nên Kiết do họ dấy Khởi không phải là thuận phần trên. Lại nữa, nếu vượt qua giới mà cũng đoạn hết phiền não bất thiện, thì các Kiết đã dấy khởi sẽ thiết lập thuận phần trên; Dự lưu và Nhất lai cả hai sự đều thiếu, cho nên Kiết đã dấy khởi không phải là thuận phần trên. Lại nữa, nếu vượt qua giới mà Kiết thuận phần dưới cũng đoạn hết, thì Kiết đã dấy khởi lúc ấy gọi là thuận về trên; Dự lưu và Nhất lai cả hai sự đều thiếu, cho nên Kiết đã dấy khởi không phải là thuận phần trên. Lại nữa, Kiết thuận phần trên và kiết thuận phần dưới đều khác nhau về sở y, nếu trong thân dấy khởi Kiết thuận phần trên thì chắc chắn không dấy khởi Kiết thuận phần dưới, nếu trong thân dấy khởi Kiết thuận phần dưới thì lúc ấy chắc chắn không dấy khởi Kiết thuận phần trên; trong thân Dự lưu và Nhất lai để cho dấy khởi Kiết thuận phần dưới; thì chắc chắn không dấy khởi Kiết thuận phần trên.

Lại nữa, nếu không còn dấy khởi nghiệp tựa như dị sinh, thì lúc ấy đã dấy khởi kiết sẽ thiết lập thuận phần trên; Dự lưu và Nhất lai vẫn còn hiện khởi nghiệp tựa như dị sinh, cho nên kiết đã dấy khởi không phải là thuận phần trên. Vì sao họ dấy khởi nghiệp tựa như dị sinh? Nghĩa là bởi vì thích mặc áo quần nhiều màu sắc sỡ, thoa ướp trang điểm hương hoa, thu nhận cất giữ vàng bạc, coi trọng đồ vật quý báu, sai khiến người khác làm việc, vẫn còn đánh chưởi trách phạt, cũng cùng với nam-nữ nằm chung nên giường, vuốt ve xúc chạm thân hình, sinh ra ý tưởng mịn màng trơn láng, lại không biết gì hổ thẹn, làm điều trái với phạm hạnh. Những điều như vậy gọi là nghiệp tựa như dị sinh.

Lại nữa, nếu có người không còn sinh ra từ giọt máu, Tăng-yết-tra-tư tiến vào thai mẹ, trú ở giữa sinh tạng và thực tạng, lúc ấy đã dấy khởi kiết gọi là thuận phần trên; Dự lưu và Nhất lai có lẽ có sự việc này, mà Kiết đã dấy khởi không phải là thuận phần trên. Như trong kinh ấy nói: “Cư sĩ Chất-đát-la nói với các bạn bè thân thiết: Các bạn nên biết, tôi chắc chắn không còn sinh ra từ giọt máu, Tăng-yết-tra-tư tiến vào thai mẹ, dừng lại ở giữa Sinh tạng và Thực tạng, tôi đã vĩnh viễn đoạn trừ năm Kiết thuận phần dưới, không còn lui sụt trở lại thọ sinh vào cõi Dục nữa.” Tôn giả Diệu Âm cũng đưa ra cách nói này: “Giải thoát được Kiết tham dục-sân nhuế, thì tôi nói là giải thoát được việc đi vào thai mẹ.”

Hỏi: Trong thuận phần trên, tự tánh của tùy miên có phải là Kiết hay không? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu như là kiết, thì luận



Phẩm Loại Túc nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: “Thế nào là pháp Kiết? Đó là chín Kiết. Thế nào là không phải pháp Kiết? Đó là trừ ra chín kiết, còn lại các pháp khác.” Nếu không phải là kiết thì trong kinh này đã nói phải thông hiểu thế nào? Như nói: “Thế nào là năm Kiết thuận phần trên? Đó là Sắc tham, Vô sắc tham, Tùy miên, Mạn và Vô minh.”

Đáp: Nên nói là Kiết.

Hỏi: Luận Phẩm Loại Túc nói nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Các Sư nước ngoài đã tụng khác với nơi này, nghĩa là họ tụng rằng: “Thế nào là pháp Kiết? Đó là chín Kiết và tùy miên trong Kiết thuận phần trên. Thế nào là pháp không phải là kiết? Đó là trừ ra chín kiết và tùy miên trong Kiết thuận phần trên, còn lại các pháp khác.”

Hỏi: Các Sư ở nước Ca-thấp-di-la tại sao không tụng như các Sư ấy?

Đáp: Các Sư này cũng nên tụng như các Sư kia, mà không tụng thì có ý nghĩa khác, bởi vì tùy miên kia không quyết định là Kiết hay không phải là Kiết, nghĩa là tánh của tùy miên, nên phần ít là kiết, tức là ở hai cõi trên; nên phần ít không phải là Kiết, tức là ở cõi Dục. Hoặc có lúc là Kiết, tức là do Thánh mà dấy khởi; hoặc có lúc không phải là kiết, tức là dị sinh dấy khởi. Có phần vị không phải là Kiết, tức là do Thánh giả chưa lìa nhiễm dục mà dấy khởi.

Hỏi: Tại sao tùy miên ở hai cõi trên là kiết, ở cõi Dục thì không phải là Kiết?

Đáp: Bởi vì cõi Dục không phải là cõi định, không phải là địa tu, không phải là địa lìa nhiễm, không có định tuệ thù thắng, có năng lực nhận biết tùy miên là sự nhiễu loạn, cho nên không thiết lập là Kiết; cõi Sắc-Vô sắc là cõi định, là địa tu, là địa lìa nhiễm, cố định tuệ thù thắng, có năng lực nhận biết tùy miên là sự nhiễu loạn, cho nên thiết lập làm Kiết. Như gần cạnh thôn xóm, tuy phát ra tiếng lớn mà cũng không lấy làm lo sợ; ở chốn A-luyện-nhã, tuy phát ra tiếng lớn mà cũng không lấy làm lo sợ. Lại nữa, cõi Dục có nhiều phiền não phi pháp, như phần-hận... che phủ ngăn cách tùy miên làm cho không sáng tỏ rõ ràng, cho nên không thiết lập là Kiết; cõi Sắc-Vô sắc không có nhiều phiền não phi pháp như vậy che phủ ngăn cách tùy miên, ở cõi đó sáng tỏ rõ ràng cho nên thiết lập làm Kiết. Như gần cạnh thôn xóm có Tỳ Kheo ác hạnh, tuy nhiều mà không ai biết, ở A-luyện-nhã, Tỳ kheo ác hạnh tuy ít mà dễ dàng nhận ra.

Hỏi: Hôn trầm-tùy miên đều gồm chung ba cõi, đều có khắp sáu thức, đều gồm chung năm bộ, và cùng kết hợp với tâm nhiễm ô, vì sao tùy miên thiết lập là thuận phần trên, chứ không phải là hôn trầm?

Đáp: Bởi vì tùy miên là quá mạnh mẽ nhanh nhạy, quá sâu nặng, quá nhiều cho nên Đức Phật thiết lập làm Kiết thuận phần trên, cũng bởi vì điều này cho nên thiết lập trong mười pháp Đại phiến não địa. Và lại, bởi vì điều này cho nên các sư nước ngoài đã tụng phần luận điểm Loại Túc nói: “Thế nào là pháp kiết? Đó là chín kiết và tùy miên trong kiết thuận phần trên”. Lại bởi vì điều này cho nên trong chương Tạp Uẩn đã nói: “Thế nào là tùy miên vô minh bất cọng? Thế nào là triền tùy miên bất cọng? “Lại bởi vì điều này cho nên luận Thi Thiết nói:” Lúc dị sinh dấy khởi tùy miên dục tham thì có năm pháp dấy khởi:

1. Tùy miên dục tham.
2. Tùy miên dục tham tùy sinh (có tụng nói là tùy miên dục tham tăng ích).
3. Tùy miên vô minh.
4. Tùy miên vô minh tùy sinh (có tụng nói là tùy miên vô minh tăng ích).
5. Tùy miên”. Hôn trầm thì không như vậy, cho nên không thiết lập làm Kiết luận phần trên. Lại nữa, bởi vì hành tướng của triền tùy miên rõ ràng nhanh nhạy mà tác dụng mau lẹ, làm nhiều loạn năm chi-bốn chi định tuệ, cho nên Đức Phật thiết lập làm Kiết thuận phần trên; hành tướng của hôn trầm thì ám muội trì độn tương tự với định, có thể tùy thuận với định, hôn trầm thì có thể nhanh chóng phát định cho nên không thiết lập làm Kiết thuận phần trên. Lại nữa, hôn trầm đã là đẳng lưu của vô minh, vô minh lại là Kiết thuận phần trên, che phủ ngăn cách hôn trầm khiến cho không sáng tỏ rõ ràng, cho nên hôn trầm không phải là thuận phần trên.

Hỏi: Cõi trên cũng có ba loại siểm-cuồng-kiêu, vì sao không thiết lập làm Kiết phần thuận trên?

Đáp: Các phiến não cấu thô thiếu tùy tiện dễ chấm dứt, tác dụng ràng buộc yếu kém, cho nên không thiết lập vào trong các tụ kiết, chính là bởi vì nghĩa này. Hiếp Tôn giả nói: “Đức Phật biết rõ thế dụng-tánh tướng của các pháp, pháp có thể thiết lập kiết thì sẽ thiết lập làm kiết, nếu không như vậy thì không thiết lập, cho nên không cần phải vặn hỏi”. Tôn giả Diệu Âm cũng đưa ra cách nói này: “Siểm-cuồng và kiêu đều thô thiếu tùy tiện dễ chấm dứt, không thuận với nghĩa của kiết cho nên không thiết lập làm kiết. Trong tất cả triền tùy miên thì chỉ nên

phần ít có thể thiết lập làm kiết”.

Có năm Kiến, đó là Hữu thân kiến, Biên chấp kiến, Tà kiến, Kiến thủ, Giới cấm thủ.

Hỏi: Năm kiến này lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Lấy ba mươi sáu sự làm tự tánh, đó là Hữu thân kiến-Biên chấp kiến đều do kiến Khổ mà đoạn của ba cõi làm sáu sự; Tà kiến-Kiến thủ đều lấy bốn bộ của ba cõi làm hai mươi bốn sự; Giới cấm thủ của ba cõi đều do kiến Khổ-Đạo mà đoạn làm sáu sự. Vì vậy, năm Kiến này lấy ba mươi sáu sự làm tự tánh. Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Vì sao gọi là Kiến, Kiến có nghĩa là gì?

Đáp: Bởi vì bốn sự cho nên gọi là Kiến:

1. Nhìn thấu suốt.
2. Suy đoán.
3. Chấp chặt.
4. Đi sâu vào sở duyên.

Nhìn thấu suốt, nghĩa là có năng lực nhìn thấu suốt cho nên gọi là Kiến.

Hỏi: Kiến này đã là tà lại còn điên đảo, làm sao gọi là nhìn?

Đáp: Tuy là tà và điên đảo mà tánh là tuệ có năng lực trông thấy sở duyên, cho nên cũng gọi là nhìn; như người thấy cảnh, hoặc sáng tỏ hay mờ đều gọi là nhìn. Suy đoán, nghĩa là có năng lực suy xét phán đoán nên gọi là Kiến.

Hỏi: Trong khoảng nên sát-na thì suy đoán như thế nào?

Đáp: Bởi vì tánh mạnh mẽ nhanh nhạy, cho nên cùng có thể suy xét phán đoán. Chấp chặt, nghĩa là có thể chấp chặt cho nên gọi là Kiến. Kiến này đối với cảnh kỳ quái thì chấp giữ kiên cố, không phải là lưỡi dao trí tuệ bậc Thánh thì không biết nhờ đâu làm cho rời bỏ? Phật và đệ tử của Phật cầm lưỡi dao trí tuệ bậc Thánh cắt đứt mầm sống của kiến ấy mới làm cho rời bỏ được. Như có loài thú biển tên là Thất-thủ-ma-la, nó đã cắn phải vật gì thì không phải là lưỡi dao không thể nào rời ra được, nghĩa là nếu nó cắn vào các loại cỏ cây thì cần phải chặt đứt răng của nó mới rời bỏ được. Như có tụng nói:

Do người ngu si đã thọ trì, vật do cá Tầm đã ngậm lấy,

Thất-thủ-ma-la cắn vào vật, không phải dao không thể cởi được.

Đi sâu vào sở duyên, nghĩa là tánh mạnh mẽ nhanh nhạy đi sâu vào sở duyên, như cây kim rơi xuống bùn, cho nên gọi là Kiến. Lại nữa, bởi vì hai sự cho nên gọi là kiến:

1. Ngắm nhìn.
  2. Quyết đoán.
- Lại nữa, bởi vì ba sự cho nên gọi là kiến:

1. Có tướng thấy.
2. Thành tựu việc làm.
3. Đối với cảnh không có vương mắc.

Lại nữa, bởi vì ba sự cho nên gọi là kiến:

1. Ý thích.
2. Chấp trước.
3. Suy cứu.

Lại nữa, bởi vì ba sự cho nên gọi là kiến:

1. Ý thích.
2. Gia hạnh.
3. Không biết gì.

Vì ý thích, nghĩa là ý thích phá hoại. Vì gia hạnh, nghĩa là gia hạnh phá hoại. Lại nữa, vì ý thích nghĩa là tu định tà vạy; vì gia hạnh, nghĩa là suy xét tìm tòi tà vạy; vì không biết gì, nghĩa là nghe pháp tà vạy.

Đã giải thích về nghĩa tổng quát của các kiến, nay sẽ giải thích về nghĩa riêng biệt của mỗi nên kiến.

Hỏi: Vì sao gọi là Hữu Thân kiến?

Đáp: Kiến này đối với có thân mà chuyển cho nên gọi là Hữu thân kiến.

Hỏi: Kiến khác cũng có loại đối với có thân mà chuyển, loại ấy tên gọi là Hữu thân kiến chăng?

Đáp: Kiến này đối với tự thân mà chuyển chứ không phải là thân khác, đối với có thân mà chuyển chứ không phải là không có thân, cho nên gọi là Hữu thân kiến; kiến khác đối với tự thân mà chuyển, hoặc đối với thân khác mà chuyển, đối với thân mà chuyển hoặc đối với không có thân mà chuyển, cho nên không gọi là Hữu thân kiến. Đối với tự thân mà chuyển nghĩa là duyên với giới-địa của mình. Đối với thân khác mà chuyển, nghĩa là duyên với giới-địa khác. Đối với có thân mà chuyển, nghĩa là duyên với hữu lậu hay là duyên với hữu vi. Đối với không có thân mà chuyển, nghĩa là duyên với vô lậu hay là vô vi.

Hỏi: Biên chấp kiến cũng đối với tự thân mà chuyển chứ không phải là thân khác, đối với có thân mà chuyển chứ không phải là không có thân, kiến ấy nên gọi là Hữu thân kiến chăng?

Đáp: Nghĩa là cùng có mà ban đầu có được tên gọi, sau khi đã thiết

lập tên gọi lại thuận theo nghĩa khác, nghĩa là bởi vì nó chấp riêng biệt hai bên Đoạn-Thường, cho nên thuận theo nghĩa này gọi là Biên chấp kiến. Lại nữa, kiến này đối với có thân mà chuyển sang chấp Ngã-Ngã sở, cho nên gọi là Hữu thân kiến; kiến khác tuy cũng có đối với có thân mà chuyển, nhưng không chấp Ngã và Ngã sở, cho nên không gọi là Hữu thân kiến. Lại nữa, kiến này đối với có thân mà chuyển sang làm hành tướng của Ngã-Ngã sở, cho nên gọi là Hữu thân kiến; kiến khác tuy cũng có đối với có thân mà chuyển, nhưng không làm hành tướng của Ngã và Ngã sở, cho nên không gọi là Hữu thân kiến. Lại nữa, kiến này đối với có thân mà chuyển sang chấp rằng Ngã làm thì Ngã chịu, cho nên gọi là Hữu thân kiến; kiến khác tuy cũng có đối với có thân mà chuyển, nhưng không chấp là Ngã làm-Ngã chịu, cho nên không gọi là Hữu thân kiến. Lại nữa, kiến này đối với có thân mà chuyển thuận với bố thí-trì giới-tu thiện, cho nên gọi là Hữu thân kiến; kiến khác tuy cũng có đối với có thân mà chuyển, nhưng không thuận với bố thí-trì giới-tu thiện, cho nên không gọi là Hữu thân kiến. Lại nữa, kiến này đối với có thân mà chuyển không trái với nghiệp quả, cho nên gọi là Hữu thân kiến; kiến khác tuy cũng có đối với có thân mà chuyển, nhưng trái với nghiệp quả, cho nên không gọi là Hữu thân kiến. Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Kiến này chỉ đối với tự thân mà chuyển, cho nên gọi là Hữu thân kiến, chính năm Thủ Uẩn gọi là tự thân”.

Hỏi: Vì sao Thủ Uẩn gọi là tự thân?

Đáp: Do lực nhân duyên của chính mình mà gây ra, do nghiệp phiền não của chính mình mà đạt được quả. Đối với Biên chấp kiến hỏi-đáp giống như trước.

Hỏi: Vì sao gọi là Biên chấp kiến?

Đáp: Kiến này chấp hai bên cho nên gọi là Biên chấp kiến, nghĩa là đối với hai bên Đoạn-Thường mà chuyển. Như trong kinh nói: “Này Ca-đa-diễn-na! Nếu dùng chánh tuệ thấy biết đúng như thật về Tập của thế gian, thì đối với thế gian không chấp là không có. Chấp là không có, tức là Đoạn kiến. Nghĩa là lúc người kia nếu thấy thân sau sinh ra thì dấy lên ý niệm như vậy: Như vậy hữu tình chết nơi này-sinh nơi kia, chắc chắn không phải là đoạn mất. Nếu dùng chánh tuệ thấy biết đúng như thật về Diệt của thế gian, thì không chấp là có. Chấp là có, tức là Thường kiến. Nghĩa là người kia nếu thấy các Uẩn-Giới-Xứ tách biệt nối tiếp nhau thì dấy lên ý niệm như vậy: Như vậy hữu tình có sinh-có diệt, chắc chắn không phải là thường còn”. Lại nữa, kiến này đã chấp hết sức thô lậu hạn hẹp, cho nên gọi là Biên chấp kiến; nghĩa là các

ngoại đạo chấp có thật Ngã đã là ngu si thấp kém, huống là chấp Ngã là Đoạn-Thường mà không phải là thô lậu hạn hẹp hay sao? Lại nữa, kiến này đã chấp hết sức xa rời hạn hẹp, cho nên gọi là Biên chấp kiến; nghĩa là các ngoại đạo chấp có thật Ngã, đối với lý Vô ngã đã là xa rời hạn hẹp, huống hồ chấp Ngã là Đoạn-Thường mà không phải là xa rời hạn hẹp hay sao? Lại nữa, chấp này chuyển đổi theo hành tướng của hai bên, cho nên gọi là Biên chấp kiến; nghĩa là chuyển đổi cái chấp theo hai hành tướng Đoạn-Thường. Như trong kinh nói: "Tỳ kheo nên biết! Ta không tranh luận với thế gian, mà thế gian tranh luận với ta".

Hỏi: Kinh này đã nói thì nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: "Đức Thế Tôn nhất định nói có nhân quả. Nghĩa là nếu Đức Phật gặp ngoại đạo Thường kiến, họ nói các pháp có quả mà không có nhân, vì không có nhân cho nên tự tánh là thường có. Đức Thế Tôn bảo rằng: Ông nói có quả, ta cũng nói là có; ông nói không có nhân thì đó là cách lý luận ngu si. Nếu Đức Thế Tôn gặp ngoại đạo Đoạn kiến, họ nói các pháp có nhân mà không có quả, vì không có quả cho nên tương lai sẽ đoạn diệt. Đức Thế Tôn bảo rằng: Ông nói có nhân, Ta cũng nói là có; ông nói không có quả thì đó là cách lý luận ngu si. Đức Phật đối với hai cách lý luận đều thừa nhân nên bên lìa Đoạn-lìa Thường mà nói đến Trung đạo, cho nên đưa ra chánh nói này: Ta không tranh luận với thế gian, mà thế gian tranh luận với Ta".

Lại nữa, Đức Thế Tôn là Luận giả đúng như pháp, các ngoại đạo đều là Luận giả trái với pháp; Luận giả đúng như pháp thì pháp vốn như vậy không có gì tranh cãi, Luận giả trái với pháp thì pháp vốn như vậy mà phát sinh tranh cãi. Lại nữa, Đức Phật đối với thế tục thì tùy thuận với thế gian, thế gian đối với thắng nghĩa thì không tùy thuận với Phật. Lại nữa, Đức Thế Tôn khéo léo đoạn trừ hai căn tranh cãi; hai căn tranh cãi đó là Ái và Kiến, Đức Phật đã vĩnh viễn đoạn trừ cho nên nói là không có tranh cãi, thế gian chưa đoạn trừ cho nên nói là phát sinh tranh cãi.

Đại Đức nói rằng: "Đức Thế Tôn là Luận giả đúng như lý, các ngoại đạo đều là những Luận giả trái với lý; Luận giả đúng như lý thì pháp vốn như vậy không có gì tranh cãi, Luận giả trái với lý thì pháp như vậy mà phát sinh tranh cãi. Như con ngựa vượt qua đoạn đường hiểm trở thì bước chân có thấp-có cao, nếu dạo trên con đường bằng phẳng thì bước đi không có gì sai khác. Lại nữa, Đức Phật là bậc thấy rõ về nghĩa, thấy rõ về pháp, thấy rõ về thiện, thấy rõ về điều hòa thích

hợp, cho nên nói là không có tranh cãi, thế gian thì không như vậy, cho nên nói là phát sinh tranh cãi”.

Hỏi: Vì sao gọi là Tà kiến?

Đáp: Bởi vì suy đoán sai lạc cho nên nói là Tà kiến.

Hỏi: Nếu như vậy thì năm kiến đều suy đoán sai lạc, sao chỉ nói loại này là Tà kiến?

Đáp: Bởi vì dựa vào hành tướng riêng biệt mà thiết lập tên gọi này. Hành tướng riêng biệt thì nghĩa là không có hành tướng. Nếu không dựa vào hành tướng mà thiết lập tên gọi, thì đúng ra năm loại đều là Tà kiến, bởi vì năm loại này đều là suy đoán sai lạc; nhưng bởi vì không có hành tướng thì tai họa rất nặng nề, cho nên chỉ dựa vào điều này mà thiết lập tên gọi Tà kiến.

Lại nữa, nếu suy đoán sai lạc mà cũng làm hỏng sự việc thì nói là Tà kiến; bốn kiến còn lại tuy suy đoán sai lạc mà không làm hỏng sự việc, cho nên thiết lập tên gọi khác. Lại nữa, nếu suy đoán sai lạc mà bài báng nhân quả thì nói là Tà kiến; bốn kiến còn lại tuy suy đoán sai lạc mà không bài báng nhân quả, cho nên thiết lập tên gọi khác. Lại nữa, nếu suy đoán sai lạc cùng với bố thí-trì giới-tu thiện hết sức trái ngược nhau thì nói là Tà kiến; bốn kiến còn lại thì không như vậy, cho nên thiết lập tên gọi khác. Lại nữa, nếu suy đoán sai lạc mà cũng bài báng quá khứ-vị lai-hiện tại, Chánh đẳng Bồ-đề và quy y Tam Bảo, thì nói là Tà kiến; những kiến còn lại thì không như vậy, cho nên thiết lập tên gọi khác. Lại nữa, nếu suy đoán sai lạc làm hỏng hai ân thì nói là Tà kiến, những kiến còn lại thì không như vậy, cho nên thiết lập tên gọi khác. Hai ân đó là ân pháp và ân sinh dưỡng. Làm hỏng ân pháp, nghĩa là cho rằng không có bố thí, không có yêu thích, không có cúng tế, không có diệu hạnh, không có ác hạnh, không có dị thực của nghiệp quả do diệu hạnh-ác hạnh, không có đời này, không có đời khác. Làm hỏng ân sinh dưỡng, nghĩa là cho rằng không có cha-không có mẹ, không có hóa sinh-hữu tình và thế gian, không có A-la-hán chân thật, không có chánh trí-chánh hạnh, cho đến nói rộng ra. Lại nữa, nếu suy đoán sai lạc mà dấy khởi hai oán thì nói là Tà kiến; những kiến còn lại thì không như vậy, cho nên thiết lập tên gọi khác. Dấy khởi hai oán:

1. Dấy khởi oán pháp.
2. Dấy khởi oán sinh.

Dấy khởi oán pháp, nghĩa là nói rằng không có bố thí..., cho đến nói rộng ra. Dấy khởi oán sinh, nghĩa là nói rằng không có cha mẹ..., cho đến nói rộng ra. Lại nữa, nếu suy đoán sai lạc làm hỏng hiện lượng

thì nói là Tà kiến; những kiến còn lại thì không như vậy, cho nên thiết lập tên gọi khác. Như người rơi vào giữa hàm lửa cháy rừng rực, vì lửa dối thế gian mà nói là mình hưởng thụ niềm vui; hữu tình tà kiến cũng lại như vậy, ở trong các loại khổ đau của Uẩn-Giới-Xứ, tà kiến ràng buộc lấy tâm mà nói là mình không có khổ đau, nói như vậy thì gọi là làm hồng hiện tượng. Lại nữa, nếu suy đoán sai lạc về tên gọi bạo ác thì nói là Tà kiến, như trong kinh nói: “Tỳ kheo nên biết! Những người tà kiến tùy theo năng lực nhìn nhận của họ mà phát sinh thân nghiệp-ngữ nghiệp-suy nghĩ mong cầu và nguyện hạnh, tất cả chủng loại ấy có năng lực dẫn đến quả không đáng yêu-không đáng mừng-không đáng vui-không vừa ý. Nguyên cố thế nào? Bởi vì Tà kiến kia chính là cách nhìn bạo ác”. Bốn kiến còn lại tuy là suy đoán sai lạc mà không phải là bạo ác, cho nên thiết lập tên gọi khác.

Hỏi: Vì sao gọi là Kiến thủ?

Đáp: Bởi vì giữ lấy các kiến này, cho nên gọi là Kiến thủ.

Hỏi: Đây là giữ lấy tất cả năm Thủ Uẩn, tại sao chỉ nói là Kiến thủ?

Đáp: Đây là dựa vào các kiến mà giữ lấy tất cả năm Uẩn, cho nên gọi là Kiến thủ. Lại nữa, bởi vì tướng nào mà thiết lập tên gọi Kiến thủ? Nghĩa là nếu giữ lấy kiến, hoặc giữ lấy Uẩn khác mà chấp là hơn hẳn thì thiết lập tên gọi Kiến thủ. Lại nữa, ở đây nên gọi là giữ lấy các kiến, bởi vì lược bỏ chữ các (Đẳng) cho nên chỉ gọi Kiến thủ. Lại nữa, loại này giữ lấy nhiều kiến, cho nên gọi là Kiến thủ.

Hỏi: Vì sao gọi là Giới cấm thủ?

Đáp: Loại này giữ lấy các giới cấm, cho nên gọi là Giới cấm thủ.

Hỏi: Loại này giữ lấy tất cả năm Thủ Uẩn, tại sao chỉ gọi là Giới cấm thủ?

Đáp: Loại này dựa vào giới cấm mà giữ lấy tất cả năm Uẩn, cho nên chỉ gọi là Giới cấm thủ. Lại nữa, bởi vì hành tướng cho nên gọi là Giới cấm thủ, nghĩa là giữ lấy giới cấm, hoặc giữ lấy Uẩn khác mà chấp là có thể thanh tịnh, thì gọi là Giới cấm thủ. Lại nữa, kiến này nên gọi là giữ lấy các giới cấm, bởi vì lược bỏ chữ các ( Đẳng ) cho nên chỉ gọi là Giới cấm thủ. Lại nữa, loại này giữ lấy nhiều giới cấm, cho nên gọi là Giới cấm thủ.

Hỏi: Vì sao hai kiến đều gọi là Thủ?

Đáp: Bởi vì hai kiến này giữ lấy hành tướng mà chuyển, cho nên gọi là Thủ; nghĩa là Hữu thân kiến thì chấp Ngã-Ngã sở, Biên chấp kiến thì chấp Đoạn-Thường, Tà kiến thì chấp không có, giữ lấy các kiến này



mà cho là hơn hẳn thì gọi là Kiến thủ, giữ lấy các giới cấm có thể đạt được thanh tịnh cho nên gọi là Giới cấm thủ. Lại nữa, ba kiến đầu suy đoán về sở duyên với thể dụng mạnh mẽ nhanh nhạy, cho nên gọi là Kiến; hai kiến sau chấp lấy năng duyên với thể dụng mạnh mẽ nhanh nhạy cho nên gọi là Thủ.

Có sáu Ái thân, đó là do Nhãn xúc mà sinh ra Ái thân, do Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân-Ý xúc mà sinh ra Ái thân. Như vậy, Ái thân nên nói là nên loại, như các Ái của ba cõi thì trong chín Kiết thiết lập chung là kiết Ái, hoặc nên nói là hai loại, như Ái của cõi Dục thì trong bảy tùy miên thiết lập là tùy miên Dục tham, Ái của cõi Sắc-Vô Sắc thiết lập là tùy miên Hữu tham; hoặc nên nói là ba loại, như trong kinh nói: “Tỳ kheo nên biết! Ba dòng sông Ái, tức là Ái của ba cõi”; hoặc nên nói là bốn loại, như trong kinh nói: “Có các loại Tỳ kheo-Tỳ kheo Ni, bởi vì áo quần, bởi vì ăn uống, bởi vì đồ nằm, bởi vì có hay không có, lúc Ái sinh ra thì sinh ra, lúc Ái dừng lại thì dừng lại, lúc Ái mê say thì mê say”; hoặc nên nói là có năm loại, nghĩa là Ái do kiến Khổ-Tập-Diệt-Đạo mà đoạn và Ái do tu mà đoạn; hoặc nên nói là chín loại, nghĩa là Ái phẩm Thượng Thượng cho đến phẩm Hạ Hạ; hoặc nên nói là mười tám loại, như mười tám Ái hành; hoặc nên nói là ba mươi sáu loại, như ba mươi sáu Ái hành; hoặc nên nói là nên trăm lẻ tám loại, như nên trăm lẻ tám Ái hành. Nếu dùng thân trong nên sát-na để phân biệt, thì sẽ có vô lượng Ái.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn mở rộng nên Ái..., tóm lược vô lượng Ái... mà nói đến sáu Ái thân?

Đáp: Bởi vì căn cứ theo sở y nghĩa là bắt đầu từ nên Ái cho đến vô lượng Ái, tất cả đều dựa vào sáu căn-sáu cửa ngõ-sáu bậc thêm-sáu nấc thang-sáu dấu tích-sáu con đường-sáu chúng mà sinh ra sáu thức tương ứng, cho nên chỉ nói sáu loại.

Hỏi: Sân nhuế và vô minh cũng được dựa vào sáu căn nói rộng ra cho đến sáu thức tương ứng, vì sao Đức Thế Tôn nói sáu Ái thân mà không nói đến sáu Sân nhuế-sáu Vô minh của thân?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác. Lại nữa, đã nói đến Ái thân thì nên biết là cũng nói đến Sân nhuế và Vô minh của thân, bởi vì sở y giống nhau. Lại nữa, Ái gồm chung ba cõi mà nên mình hiện hành ở khắp sáu thức, cho nên nói là thân; Sân nhuế tuy cũng nên mình hiện hành ở khắp sáu thức mà không gồm chung ba cõi; Vô minh tuy cũng gồm chung ba cõi, mà không phải là nên mình hiện hành ở khắp sáu thức, cho nên không nói là thân. Lại

nữa, Ái gồm chung ba cõi-nên mình hiện hành ở khắp sáu thức, dị sinh và Thánh giả đều có thể hiện hành, cho nên nói là thân; Sân nhuế tuy cũng nên mình hiện hành ở khắp sáu thức, dị sinh và Thánh giả đều có thể hiện hành mà không gồm chung ba cõi; Vô minh tuy cũng gồm chung ba cõi, dị sinh và Thánh giả đều có thể hiện hành, mà không phải là nên mình hiện hành ở khắp sáu thức cho nên không nói là thân. Lại nữa, Ai có thể phân biệt các giới-các địa-các bộ, cũng có thể sinh trưởng tất cả phiền não, cho nên thiết lập là thân; Sân nhuế và Vô minh không có sự việc như vậy, cho nên không nói là thân.

Hỏi: Vì sao gọi là thân?

Đáp: Bởi vì nhiều Ái tích tập cho nên gọi là thân, nghĩa là không phải do Nhãn xúc trong nên sát-na mà sinh ra Ái gọi là do Nhãn xúc mà sinh ra Ái thân, cần phải qua nhiều sát-na do Nhãn xúc mà sinh ra Ái thì mới gọi là do Nhãn xúc mà sinh ra Ái thân; cho đến do Ý xúc mà sinh ra Ái thân cũng như vậy. Như chỉ có nên con voi thì không gọi là đàn voi, cần phải nhiều con voi tập hợp lại thì mới gọi là đàn voi. Bầy ngựa-đoàn người, nên biết cũng như vậy. Vì vậy, có nhiều Ái tích tập mới gọi là Ái thân.

Hỏi: Hữu thân kiến... cũng có tích tập nhiều thì nên gọi là thân, tại sao chỉ nói đến Ái?

Đáp: Hữu thân kiến...chúng nên gọi là thân, mà không nói đến là có cách nói khác. Lại nữa, Hữu thân kiến...chỉ thuộc về ý địa chứ không thuộc về năm thức, cho nên không gọi là thân.

Hỏi: Vô tâm-vô quý-hôn trầm-tùy miển cũng gồm chung sáu thức, tại sao không gọi là thân?

Đáp: Cũng nên gọi là thân mà không nói đến, thì nên biết đây là cách nói có khác. Lại nữa, trước nói gồm chung ba cõi-nên mình hiện hành ở khắp sáu thức thì nói đó là thân; hôn trầm-tùy miển tuy gồm chung ba cõi mà không phải là nên mình hiện hành ở khắp sáu thức, cho nên không có thể gọi là thân; vô tâm-vô quý cả hai nghĩa đều thiếu, cho nên không gọi là thân. Lại nữa, tùy miển vi tế mà thể dụng tăng mạnh thì có thể gọi là thân, triền cấu thô động mà thể dụng yếu kém cho nên không gọi là thân. Lại nữa, trước nói Ái có thể phân biệt các giới-các địa-các bộ, cho nên nói là thân; Hữu thân kiến...không có nghĩa như vậy hãy còn không gọi là thân, huống gì là triền cấu hay sao?

